

Số: 108 / TB-QLTT

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thanh lý là 10 xe ô tô của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp về việc Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung, một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 13/03/2015 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-QLTT ngày 11/11/2025 của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá bán khởi điểm tài sản thanh lý là 10 xe ô tô của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội.

Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

2. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

- Tài sản đấu giá: 10 xe ô tô thanh lý của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội (chi tiết theo phụ lục kèm theo).

- Nguồn gốc tài sản: Tài sản cố định được mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá là: 317.613.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng*).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 và các tiêu chí quy định tại Điều 33 Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức hành nghề đấu giá do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia của mình. Cụ thể theo Bảng điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0

2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành). (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0

1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề. (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0

	(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0

	(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Chi cục QLTT thành phố Hà Nội và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó trong năm trước liền kề hoặc năm hiện hành.	2,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
3.	Có nhiều thời gian, kinh nghiệm thực hiện cuộc đấu giá tài sản bằng hình thức trực tuyến nhất (Căn cứ theo Quyết định phê duyệt tổ chức đấu giá đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến do Sở Tư pháp cấp) – Chỉ chấm điểm cho tổ chức hành nghề đấu giá có thời gian, kinh nghiệm nhất.	3,0
Tổng số điểm		100

* Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá làm thành 01 bộ in bìa đóng thành quyển.

- Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự:

(1) Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.

(2) Tổ chức có số điểm của tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.

(3) Tổ chức có số điểm về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cao hơn.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

4.1. Thời gian nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội (Phòng Tổ chức - Hành chính), địa chỉ: 80 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

(Người đến nộp hồ sơ mang theo giấy giới thiệu, chứng minh nhân dân, không hoàn trả hồ sơ đối với những hồ sơ không được lựa chọn).

Chi tiết liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Thanh Hằng, Phòng Tổ chức - Hành chính (ĐT: 0979.869.960).

Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội thông báo đề các Tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Sở Công Thương;
- Chi cục trưởng;
- Phó Chi cục trưởng;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản - Bộ Tư pháp;
- Trang thông tin điện tử của Chi cục QLTT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Kiều Đình Cảnh

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

PHỤ LỤC: DANH MỤC TÀI SẢN ĐẤU GIÁ VÀ GIÁ KHỞI ĐIỂM

*(Kèm theo Thông báo số 108 /TB-QLTT ngày 11/11/2025
của Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội)*

STT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá bán khởi điểm (Đồng)
1	Xe ô tô 16 chỗ ngồi Mercedes-Benz BKS 29A-014.77 Số loại: MB140 Màu sơn: Trắng Số máy: 291110166003 Số khung: 111853907198	Việt Nam	2004	17.613.000
2	Xe ô tô 8 chỗ ngồi Mitsubishi BKS 29A-014.37 Số loại: Jolie Màu sơn: Xanh Số máy: 4G63VZ04242 Số khung: VB2W31001745	Việt Nam	2003	30.000.000
3	Xe ô tô 4 chỗ ngồi Toyota BKS 29A-005.87 Số loại: Corolla Màu sơn: Ghi Số máy: 4AF015241 Số khung: AE920317649	Việt Nam	1992	15.000.000
4	Xe ô tô 8 chỗ ngồi Mitsubishi BKS 29A-014.54 Số loại: Jolie Màu sơn: Xanh Số máy: 4G63VZ04233 Số khung: VB2W31001749	Việt Nam	2003	45.000.000
5	Xe ô tô 8 chỗ ngồi Mitsubishi BKS 29A-014.98 Số loại: Jolie Màu sơn: Xanh Số máy: 4G63VZ04232 Số khung: VB2W31001746	Việt Nam	2003	45.000.000

6	Xe ô tô 8 chỗ ngồi Toyota BKS 29A-014.67 Số loại: Zace- GL Màu sơn: Xanh Số máy: 7K0497219 Số khung: KF36903321	Việt Nam	2002	35.000.000
7	Xe ô tô 5 chỗ ngồi Ford BKS 29A-014.13 Số loại: Laser Màu sơn: Xanh Số máy: ZM502785 Số khung: XSRNLIB01081	Việt Nam	2001	25.000.000
8	Xe ô tô 7 chỗ ngồi Suzuki BKS 29A-014.88 Số loại: SK410WV Màu sơn: Trắng Số máy: F10A1059988 Số khung: A21VVN101144	Việt Nam	2000	15.000.000
9	Xe ô tô 7 chỗ ngồi Mazda BKS 29A-014.16 Số loại: Premacy Màu sơn: Ghi Số máy: FP878181 Số khung: 10P2MH00588	Việt Nam	2003	45.000.000
10	Xe ô tô 8 chỗ ngồi Mitsubishi BKS 29A-014.66 Số loại: Jolie Màu sơn: Xanh Số máy: 4G63VZ03920 Số khung: VB2W31001456	Việt Nam	2003	45.000.000
	Tổng cộng			317.613.000